| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập -Tự do -Hạnh phúc** |

Bản án số: 116/2020/DS-PT
Ngày: 28-9-2020
V/v: tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Tố Hương.

*Các Thẩm phán*: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Nghi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng***: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLPT-DS, ngày 13 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST, ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 117/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị S, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

2.2 Ông Võ Văn E, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-10-2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị S trình bày:* Bà Nguyễn Thị Ánh L có đứng ra làm chủ hụi nhiều dây hụi, bà Võ Thị S có tham gia 01 dây hụi mở ngày 10/11/2017 âm lịch, một phần hụi 300.000 đồng, có 61 phần hụi, mỗi tháng khui

02 lần vào ngày 10 và 25 âm lịch hàng tháng, bà S tham gia 02 phần, hưởng hoa hồng 200.000 đồng, khi hốt hụi 05 ngày sau sẽ giao. Bà S đã đóng được 45 lần còn lại 16 lần thì bà L tuyên bố vỡ hụi. Tổng số tiền đã đóng là 27.000.000 đồng. Bà yêu cầu buộc bà L và ông E trả cho bà số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Võ Thị S thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E hoàn trả cho bà số tiền hụi và tiền vay là 20.000.000 đồng và trả một lần trong thời gian ngắn, vì bà L xin giảm bớt.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày:* Bà thừa nhận còn nợ tiền hụi với bà S tổng cộng là 27.000.000 đồng, số tiền này ông E biết và là nợ chung của vợ chồng làm kinh tế phục vụ nhu cầu của gia đình. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin bà S bớt một số tiền hụi là lãi theo thỏa thuận, bà xin trả 20.000.000 đồng và xin trả dần.

- *Bị đơn ông Võ Văn E:* Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông E, nhưng ông E không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST, ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S: Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Võ Thị S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Võ Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001127 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 07-7-2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm với các lý do: tại tờ tường trình ngày 11-5-2020 bà có trình bày là ông Võ Văn E không biết việc bà gây ra nợ, ông E xuất cảnh đi nước ngoài trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, nhưng không được Tòa án xác minh việc ông Võ Văn E xuất cảnh đi nước ngoài để làm gì, đi từ khi nào, nên bản án buộc ông E cùng bà liên đới trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ hợp pháp; Bà không còn giữ giấy tờ, tài liệu theo dõi việc chơi hụi, nhưng bản án sơ thẩm cho rằng bà thừa nhận nợ là không đúng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2020/DS-ST, ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Văn E vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L là người kháng cáo có đơn xin vắng mặt. Nhận thấy ông E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L là người kháng cáo có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh L làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Vào ngày 19-8-2020 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có Công văn số 927/2020/CV-TA về việc yêu cầu Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thông tin việc ông Võ Văn E, sinh năm 1973; Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 365692568 được cấp tại Sóc Trăng; Cư trú: số D1/140 ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có đi nước ngoài hay không? Nếu có xuất cảnh ra khỏi nước Việt Nam để đi đâu? Xuất cảnh bao nhiêu lần? Xuất cảnh thời gian bao lâu? Lý do xuất cảnh, v.v...

[2.2] Vào ngày 28-8-2020 Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an có Công văn số 2736/QLXNC-P5 trả lời Công văn số 927/2020/CV-TA ngày 19-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có nội dung như sau: ông Võ Văn E, sinh năm 1973; Chứng minh nhân dân số 365692568, thường trú tại: số D1/140 ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh.

[2.3] Căn cứ nội dung Công văn số 2736/QLXNC-P5 ngày 28-8-2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an như đã nêu trên, có cơ sở xác định ông Võ Văn E không xuất cảnh đi nước ngoài trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 30-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện L, được ông Lâm Xuân T là cán bộ công an khu vực ấp 1 cung cấp thông tin là ông Võ Văn E hiện đang sinh sống tại ấp 1 (bút lục số 38).

Do vậy, Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn là bà Võ Thị S với các bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Ánh L với ông Võ Văn E là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Nhận thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày: Tôi thừa nhận còn nợ tiền hụi với bà S tổng cộng là 27.000.000 đồng, số tiền này ông E biết và là nợ chung của vợ chồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin bà S bớt một số tiền hụi là lãi theo thỏa thuận, tôi xin trả 20.000.000 đồng và xin trả dần (bút lục số 14).

[2.5] Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 của bà Nguyễn Thị Ánh L và căn cứ vào Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình, nhận thấy bản án sơ thẩm buộc ông E cùng bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền hụi là 20.000.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Với những phân tích nêu tại các mục [2.1], [2.2], [2.3], [2.4], [2.5], Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh L là không có cơ sở, nên không được chấp nhận. Đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh L, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu án dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST, ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị S số tiền nợ hụi là 20.000.000 đồng (hai chục triệu đồng).

- Kể từ ngày bà Võ Thị S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L và ông Võ Văn E phải liên đới chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Bà Võ Thị S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Võ Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001127 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006039 ngày 21-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trương Tố Hương**